TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **44**/2019/LĐ-PT Ngày 19 - 11 - 2019 *V/v: "Tranh chấp tiền lương ngừng việc và bảo hiểm xã hội".*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Trần Vĩnh Yên

Ông Phạm Thành Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Thuận – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai,

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 20/2019/TLPT-LĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc *"Tranh chấp tiền lương ngừng việc và bảo hiểm xã hội"*.

Do bản án lao động sơ thẩm số 30/2018/LĐ-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 68/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số F, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Huyền T1**, sinh năm 1983 (Văn bản ủy quyền ngày 27/3/2018).

Địa chỉ: Số M, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: **Công ty cổ phần H**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Văn K**, chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần H.

Địa chỉ: Đường Đ, khu phố T, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1968 (Văn bản ủy quyền số 06/UQ-CPHV ngày 19/3/2018).

Địa chỉ: Số J, tổ Q, khu phố H, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai**.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Phương H, sinh năm 1976 – Chức vụ: Phó Chánh văn phòng Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền số 17/GUQ-BHXH ngày 14/3/2019).

Địa chỉ: Số D, đường H, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

4. Người kháng cáo: Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số Q, khu phố N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T1 có mặt; Bà A, bà H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T1 trình bày:***

Bà Nguyễn Thị Thanh T được Công ty cổ phần H (gọi tắt là Công ty) nhận vào làm việc từ ngày 10/3/1998. Giữa bà T và Công ty H không ký hợp đồng lao động. Ngày 01/4/2001, Công ty H mới ký hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng (03 lần) với bà T. Đến năm 2004, Công ty H ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn, công việc được giao là công nhân phân loại chế biến lá thuốc. Từ tháng 7/2016 đến tháng 12/2016, Công ty H bố trí cho bà T ngừng việc 20 ngày. Từ tháng 01/2017 đến tháng 11/2017 ngừng việc 91 ngày. Tổng cộng là 111 ngày. Công ty trả lương ngừng việc bằng mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định từng năm cụ thể năm 2016 là 3.500.000đ, năm 2017 là 3.750.000đ. Mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động ngày 01/01/2016 giữa Công ty và bà T là 6.120.000đ/tháng. Như vậy, tiền lương chênh lệch mà Công ty trả cho bà T còn thiếu năm 2016 (20 ngày) là 2.015.000 đồng, năm 2017 (91 ngày) là 8.295.000 đồng. Bà T yêu cầu Công ty truy đóng bảo hiểm xã hội cho bà T từ tháng 03/1998 đến hết tháng 3/2001 tổng cộng là 37 tháng, tương ứng với 49.816.000 đồng. Nếu không đóng thì trả bằng tiền.

Tại phiên tòa, bà T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến xin thay đổi yêu cầu khởi kiện với nội dung: Đối với thời gian làm việc từ tháng 03/1998 đến hết tháng 3/2001 là 37 tháng, bà T đề nghị Công ty H truy đóng bảo hiểm xã hội với mức phí là 37 tháng x 1.35 x 130.000đ x 20% = 1.298.500đ.

**** Bị đơn Công ty cổ phần H do bà Nguyễn Thị A đại diện theo ủy quyền trình bày:***

- Đối với yêu cầu về tiền lương ngừng việc: Số ngày bà T ngừng việc trong năm 2016, năm 2017, Công ty thống nhất như nguyên đơn trình bày. Công ty đã

trả tiền lương ngừng việc cho bà T trong năm 2016, năm 2017 với tổng số tiền là 15.817.000đ. Do Công ty là đơn vị thành viên của Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam, đặc thù hoạt động của Công ty là trồng, thu hoạch, sơ chế thuốc lá, vụ mùa bắt đầu từ tháng 10 năm trước đến tháng 3 năm sau mới có thu hoạch nên hoạt động của công ty mang tính mùa vụ. Đồng thời, do tác động của thị trường và Việt Nam đã tham gia vào Công ước khung về kiểm soát thuốc lá (FCTC) nên Công ty gặp khó khăn về kinh tế và thu hẹp quy mô sản xuất, doanh số hàng năm giảm. Theo thỏa ước lao động tập thể Công ty ban hành ngày 26/4/2016, Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của công ty, Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết thi hành về tiền lương, Công ty đã trả lương ngừng việc cho người lao động trong năm 2016 với mức lương là 3.500.000 đồng/tháng, năm 2017 với mức lương là 3.750.000 đồng/tháng. Công ty xác định đã trả lương ngừng việc cho bà T là đúng quy định của pháp luật nên Công ty không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Đối với yêu cầu truy đóng bảo hiểm xã hội: Bà T vào Công ty làm việc từ tháng 03/1998 đến tháng 3/2001, công việc là công nhân phân loại chế biến thuốc lá. Bà T làm việc thời vụ, cứ có việc thì Công ty liên hệ bà T vào làm việc, khoảng 02 đến 03 tháng thì nghỉ. Do đó, từ tháng 3/1998 đến tháng 3/2001, giữa bà T và Công ty không ký hợp đồng lao động. Do công việc có tính chất mùa vụ nên khi trả lương Công ty cũng không có bảng lương, mà chỉ trả tiền cho bà T căn cứ vào thời gian làm việc theo mùa vụ thực tế. Từ năm 2007, do muốn duy trì số lượng lao động nên Công ty tự nguyện đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai cho Công ty đóng truy thu chế độ bảo hiểm cho người lao động trong khoảng thời gian từ năm 1989 đến năm 2004. Tuy nhiên, do Công ty không thể cung cấp các giấy tờ, tài liệu chứng minh về quan hệ lao động, hợp đồng lao động, mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội, nên không thể thực hiện việc đóng bảo hiểm bổ sung cho người lao động. Sự nỗ lực muốn đóng bổ sung chế độ bảo hiểm cho người lao động Công ty thực hiện đến năm 2011 là hơn 05 năm, thậm chí Công ty còn gửi Công văn cho Bộ Lao động thương binh xã hội và Bảo hiểm xã hội Việt Nam để đề nghị hỗ trợ tạo điều kiện cho Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động, nhưng Công ty vẫn không thể thực hiện được do không cung cấp được những tài liệu, hợp đồng, bảng lương chứng minh quan hệ lao động. Công ty xác định đây là sự tự nguyện đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động của Công ty, chứ không phải trường hợp Công ty bắt buộc phải đóng bảo hiểm xã hội, vì là trường hợp lao động mùa vụ. Trong các văn bản này của Công ty, Công ty cũng đều khẳng định rất rõ những trường hợp này (trong đó có bà T) đều là lao động mùa vụ, có việc Công ty mới gọi vào làm,

không có việc thì thông báo nghỉ. Theo quy định pháp luật, thời điểm từ năm 1998 đến năm 2001, lao động thời vụ không phải đóng bảo hiểm xã hội. Do đó, Công ty không đồng ý yêu cầu của bà T về bảo hiểm xã hội.

**** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai do bà Đinh Thị Phương H đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Việc bà T yêu cầu Công ty cổ phần H phải đóng bảo hiểm xã hội cho bà T từ tháng 3/1998 đến tháng 3/2001 là 37 tháng, Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai đề nghị Công ty cổ phần H và bà T phối hợp cung cấp hồ sơ liên quan đến quá trình làm việc của bà T tại Công ty cổ phần H, lập hồ sơ theo quy định gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai thẩm định hồ sơ, theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 30/2018/LĐ-ST ngày 12/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với Công ty cổ phần H về việc "Tranh chấp tiền lương ngừng việc, bảo hiểm xã hội".

Ngoài ra, án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 14/11/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn kháng cáo đối với bản án lao động sơ thẩm số 30/2018/LĐ-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T về tranh chấp tiền lương ngừng việc.

Buộc Công ty cổ phần H phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T là 10.313.000 đồng tiền lương ngừng việc năm 2016 và năm 2017.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T về việc yêu cầu Công ty cổ phần H lập thủ tục hồ sơ để cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh

Đồng Nai công nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 3/1998 đến hết tháng 3/2001 với mức phí là là 37 tháng x 1,35 x 130.000 đồng x 20% = 1.298.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị A là đại diện theo ủy quyền của bị đơn, bà Đinh Thị Phương H là đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội Đồng Nai có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T xét thấy:

[2.1]. Đối với kháng cáo về tiền lương ngừng việc:

Bà T và Công ty thống nhất về số ngày ngừng việc là 111 ngày, cụ thể năm 2016 là 20 ngày, năm 2017 là 91 ngày; bà T yêu cầu Công ty phải trả tiền lương ngừng việc còn thiếu của năm 2016, năm 2017 là 111 ngày, số tiền là 10.313.000 đồng. Theo bà T, lỗi ngừng việc là của Công ty nên Công ty phải trả đủ lương, còn theo Công ty cổ phần H xác định ngừng việc là do kinh tế. Từ khi Việt Nam phê chuẩn Công ước khung về kiểm soát thuốc lá (FCTC) của Tổ chức y tế thế giới, đồng thời, do tác động của thị trường, tình hình thời tiết thiên tai, dịch bệnh, Công ty cổ phần H đã phải chấm dứt hoạt động nhiều chi nhánh, thu hẹp sản xuất nên đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo tài liệu chứng cứ mà Tòa án cấp phúc thẩm thu thập bổ sung do Thanh tra Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cung cấp thì Bản kết luận của Thanh tra Bộ lao động Thương binh và Xã hội có kiến nghị Công ty cổ phần H thực hiện thỏa thuận với người lao động về lương ngừng việc. Do vậy, dù có khó khăn về kinh tế Công ty cổ phần H vẫn phải tiến hành thỏa thuận với người lao động về lương ngừng việc nhưng Công ty không thỏa thuận với người lao động là trái với quy định tại khoản 3 Điều 98 của Bộ luật Lao động năm 2012. Như vậy, đây là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm nên cần sửa án sơ thẩm về tiền lương ngừng việc, buộc Công ty cổ phần H phải trả cho bà T tiền lương ngừng việc còn thiếu trong năm 2016 là 20 ngày, năm 2017 là 91 ngày tổng số tiền là 10.313.000 đồng.

[2.2]. Đối với kháng cáo về bảo hiểm xã hội:

Bà T cho rằng bà được Công ty nhận vào làm việc liên tục từ tháng 3/1998 đến tháng 3/2001 nhưng theo Công ty thì bà T làm việc theo thời vụ. Theo quy định tại Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng giám đốc bảo hiểm xã hội Việt Nam để lập hồ sơ truy đóng bảo hiểm xã hội thì phải có Hợp

đồng lao động, các giấy tờ có liên quan như: Quyết định nâng bậc lương, quyết định tiếp nhận hoặc điều động, hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên, bảng lương….tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn thừa nhận từ khi bà T vào làm việc từ tháng 3/1998 đến tháng 3/2001 giữa bà T và Công ty không ký hợp đồng lao động, hai bên cũng không cung cấp được bảng thanh toán tiền lương tương ứng với thời gian truy thu hoặc các giấy tờ liên quan đến việc khoán sản phẩm công việc. Việc bà T căn cứ vào danh sách những người lao động có thể hiện số năm, tháng tham gia làm việc tại Công ty của Công ty cổ phần H gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai và Bảo hiểm xã hội Việt Nam để xin ý kiến cơ quan bảo hiểm xã hội cho truy đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động vào năm 2007, 2008 là không có cơ sở. Tại cấp phúc thẩm, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã có văn bản số 4175/BHXH-BT ngày 07/11/2019 xác định trường hợp các bên không cung cấp được mức lương, chức danh nghề nghiệp hoặc những nội dung trong bản hợp đồng lao động.. theo quy định tại điểm c khoản 1 Mục III Thông tư số 09/LĐ-TBXH ngày 26/4/1996 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội thì không có căn cứ để tính thời gian truy thu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc lập thủ tục, truy đóng bảo hiểm xã hội cho bà T thời gian từ tháng 3/1998 đến tháng 3/2001 là có căn cứ, do đó không chấp nhận kháng cáo của bà T về phần này.

[3]. Về án phí: Do sửa án sơ thẩm về nghĩa vụ trả lương ngừng việc nên Công ty cổ phần H phải chịu 309.000 đồng án phí lao động sơ thẩm. Bà T được miễn án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T, sửa một phần bản án lao động sơ thẩm số 30/2018/LĐ-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ các Điều 27, Điều 28, Điều 140, Điều 141 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 98, Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012; Thông tư số 09/LĐ-TBXH ngày 26/4/1996 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội; Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1**.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T về tranh chấp tiền lương ngừng việc.

Buộc Công ty cổ phần H phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T 10.313.000đ (Mười triệu ba trăm mười ba ngàn đồng) tiền lương ngừng việc năm 2016 và năm 2017.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T về "Tranh chấp bảo hiểm xã hội" với Công ty cổ phần H.

3. Về án phí: Công ty cổ phần H phải chịu 309.000 đồng (Ba trăm lẻ chín ngàn đồng) án phí lao động sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Thanh T được miễn án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Thu Hương